

KÝ HIỆU, MÃ LOẠI ĐẤT

STT	Loại đất	Mã
1	Đất nông nghiệp	NNP
1.1	Đất trồng lúa	LUA
-	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>
-	<i>Đất trồng lúa nước còn lại</i>	<i>LUK</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK
-	<i>Đất bằng trồng cây hàng năm khác</i>	<i>BHK</i>
-	<i>Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác</i>	<i>NHK</i>
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX
-	<i>Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>
-	<i>Đất có rừng sản xuất là rừng trồng</i>	<i>RST</i>
-	<i>Đất đang được sử dụng để phát triển rừng sản xuất</i>	<i>RSM</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH
2	Đất phi nông nghiệp	PNN
2.1	Đất quốc phòng	CQP
2.2	Đất an ninh	CAN
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK
2.4	Đất khu chế xuất	SKT
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hoá</i>	<i>DVH</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>
-	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	<i>DBV</i>
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL

2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC
2.26	Đất công trình công cộng khác	DCK
2.27	Đất phi nông nghiệp khác	PNK
3	Đất chưa sử dụng	CSD
-	<i>Đất bằng chưa sử dụng</i>	<i>BCS</i>
-	<i>Đất đồi núi chưa sử dụng</i>	<i>DCS</i>

* Ghi chú: Ký hiệu, mã loại đất được quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

Phụ lục

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN TRẢNG ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số 1255 /QĐ-UBND ngày 19 /7/2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị tính: m²

Số TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm dự án (xã, thị trấn)	Quyết định phê duyệt, VB chấp thuận, GCN đầu tư, Quyết định phê duyệt danh mục đầu tư...	Quy mô sử dụng đất của dự án	Dự kiến thu hồi từ các loại đất	Ghi chú
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng)	Xã Hùng Việt, Xã Hùng Sơn, Xã Đề Thám, Xã Chi Lăng, Xã Chí Minh	Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 10/8/2020 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư Quyết định số 20/QĐ-TTg ngày 16/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP).	1.000.000,0	LUC (116.680); BHK (211.602); NHK (33.964) CLN (17.643); RSX (559.446); NTD (8.254); ONT (52.411)	Bổ sung dự án theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh
2	Cây TBA CQT giảm bán kính, giảm tổn thất điện năng khu vực các huyện Lộc Bình, Đình Lập, Văn Lãng, Tràng Định năm 2025	Xã Quốc Khánh, thị trấn Thất Khê	Công văn số 438/PCLS-KT+QLDA ngày 08/3/2024 của Công ty Điện lực Lạng Sơn đăng ký danh mục ĐTXD công trình lưới điện THA năm 2025	550,0	LUA (100); HNK (100); CLN (100); RSX (50) DCS (20); NTD (20); DGT (20); ODT (50); ONT (60) SKC (20); NTS (10)	Bổ sung dự án theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/5/2024 của HĐND tỉnh
3	Thủy điện Tràng Định 2 (tổng quy mô 212,86 ha)	Xã Đào Viên, Xã Quốc Việt, Xã Kháng Chiến	Quyết định số 1200/QĐ-UBND ngày 19/06/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án	477.000,0	LUC (10.000); LUK (15.000); CLN (15.000); DCS (90.000); HNK (125.000); DGT (15.000); RSX (207.000)	Điều chỉnh loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh
4	Dự án đường tuần tra biên giới tỉnh Lạng Sơn/QK1 (giai đoạn 2021-2025)	Xã Đào Viên, Xã Tân Minh	Quyết định số 15/QĐ-BQP ngày 01/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt dự án; Công văn số 2693/BTL-TM ngày 05/10/2021 về việc đăng lý nhu cầu sử dụng đất năm 2022 của dự án đường TTBG tỉnh Lạng Sơn/QK1(giai đoạn 2021-2025)	506.502,0	HNK (709,2); RPH (425.625,3); SON (41,5); DGT (80.126)	Điều chỉnh quy mô dự án và loại đất cần thu hồi so với Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
Tổng				1.984.052,0		